



DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026- 2027

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
1	Nguyễn Thị Thùy Linh	03/04/2011	Nữ	40.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	41	8.50	9.00	8.80	Trường THCS Tam Phước
2	Lê Thùy An	02/10/2011	Nữ	40.00				40	9.25	9.00	9.90	Trường THCS Tam Phước
3	Nguyễn Trần Đăng Khoa	28/11/2011	Nam	40.00				40	9.15	8.70	9.30	Trường THCS Hòa Bình
4	Lưu Trúc Diễm	30/05/2011	Nữ	40.00				40	9.04	9.70	8.20	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm
5	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	08/07/2011	Nữ	40.00				40	8.89	8.00	8.50	Trường THCS Tam Phước
6	Nguyễn Quốc Khánh	03/03/2011	Nam	40.00				40	8.88	7.60	9.40	Trường THCS Tam Phước
7	Nguyễn Nhật Thiên Hân	20/04/2011	Nữ	40.00				40	8.84	8.20	8.40	Trường THCS Hòa Hưng
8	Vũ Hà Nam	14/08/2011	Nam	40.00				40	8.79	8.60	9.30	Trường THCS Tam Phước
9	Nguyễn Bình An	22/05/2011	Nữ	40.00				40	8.71	7.50	8.50	Trường THCS Hòa Bình
10	Vũ Quốc Bảo	02/01/2011	Nam	40.00				40	8.70	8.00	9.40	Trường THCS Võ Trường Toản
11	Lê Thị Phương Vi	16/02/2011	Nữ	40.00				40	8.69	8.40	8.10	Trường THCS Hòa Bình
12	Lê Quốc Đạt	19/10/2011	Nam	40.00				40	8.66	8.90	8.80	Trường THCS Hoàng Văn Thụ
13	Lê Hồng Quân	04/07/2011	Nam	40.00				40	8.64	7.20	8.30	Trường THCS Hòa Bình
14	Nguyễn Thị Ngọc Bích	05/01/2011	Nữ	40.00				40	8.64	6.60	8.60	Trường THCS Phước Tân 3
15	Trương Đặng Thùy Linh	11/09/2011	Nữ	40.00				40	8.62	8.70	8.20	Trường THCS Phước Tân 1
16	Trần Thị Phương Anh	21/02/2011	Nữ	40.00				40	8.61	7.50	8.80	Trường THCS Hòa Bình
17	Nguyễn Thị Mai Phương	19/08/2011	Nữ	39.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	40	8.60	7.60	8.20	Trường THCS Tam Phước
18	Nguyễn Thị Như Quỳnh	05/09/2011	Nữ	40.00				40	8.58	8.90	7.90	Trường THCS Hòa Bình
19	Lê Ngọc Tường Vy	23/01/2011	Nữ	40.00				40	8.50	8.50	9.00	Trường THCS Hòa Bình
20	Đặng Thảo Vy	26/03/2011	Nữ	40.00				40	8.50	8.50	7.60	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức



STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
21	Phạm Gia Hân	22/08/2011	Nữ	40.00				40	8.42	8.30	8.60	Trường THCS Phước Tân I
22	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	20/08/2011	Nữ	40.00				40	8.39	8.90	8.80	Trường THCS Hòa Bình
23	Phạm Minh Thiện	06/03/2011	Nam	40.00				40	8.38	8.30	7.40	Trường THCS Hòa Bình
24	Nguyễn Mạnh Đại Chiến	05/11/2011	Nam	39.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	40	8.21	6.60	8.00	Trường THCS Hòa Bình
25	Lê Việt Tiệp	07/12/2011	Nam	39.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	40	8.11	6.50	8.10	Trường THCS Hòa Bình
26	Tôn Thất Tùng	09/03/2011	Nam	39.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	40	7.89	7.70	8.90	Trường THCS Tam Phước
27	Nguyễn Phương Trang	10/07/2011	Nữ	39.00				39	8.80	6.90	9.00	Trường THCS Hòa Bình
28	Dặng Thùy Phương Linh	01/01/2011	Nữ	39.00				39	8.66	8.70	9.40	Trường THCS Võ Trường Toản
29	Khúc Thiên Bảo	22/07/2011	Nam	39.00				39	8.61	7.60	9.20	Trường THCS Bình Đa
30	Phan Thanh Nhã	13/01/2011	Nữ	39.00				39	8.55	6.60	7.70	Trường THCS Hòa Bình
31	Nguyễn Hữu Tài	25/06/2011	Nam	39.00				39	8.48	6.40	8.50	Trường THCS Hòa Bình
32	Trần Phạm Diễm Hương	25/06/2011	Nữ	39.00				39	8.44	7.60	8.20	Trường THCS Tam Phước
33	Lê Nhật Huy	24/08/2011	Nam	39.00				39	8.39	8.20	8.50	Trường THCS Tam Phước
34	Nguyễn Trọng Tùng	12/06/2011	Nam	39.00				39	8.36	8.00	8.10	Trường THCS Hòa Bình
35	Nguyễn Lê Tú Quyên	14/09/2011	Nữ	39.00				39	8.35	8.80	9.00	Trường THCS Tam Phước
36	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	18/03/2011	Nữ	39.00				39	8.28	8.60	8.70	Trường THCS Tam Phước
37	Ngô Thị Bích Ngọc	29/05/2011	Nữ	39.00				39	8.25	7.30	8.10	Trường ngoại tỉnh
38	Nguyễn Văn Tân	06/11/2011	Nam	39.00				39	8.20	8.00	7.60	Trường THCS Hòa Bình
39	Lương Thu Hà	05/09/2011	Nữ	39.00				39	8.20	6.80	6.50	Trường THCS Hòa Bình
40	Nguyễn Thị Hải Yến	20/02/2011	Nữ	39.00				39	8.19	8.20	8.00	Trường THCS Tam Phước

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
41	Nguyễn Ngọc Thảo Linh	15/06/2011	Nữ	39.00				39	8.18	8.20	8.10	Trường THCS Phước Tân 2
42	Đặng Thị Ái Vy	09/02/2011	Nữ	39.00				39	8.12	7.70	7.80	Trường THCS Tam Phước
43	Trần Nhật Tân	29/10/2011	Nam	39.00				39	8.11	6.00	8.30	Trường THCS Tam Phước
44	Mạnh Thị Phương Linh	22/07/2011	Nữ	38.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	39	8.10	7.20	7.50	Trường THCS Hòa Bình
45	Nguyễn Quốc Huy	02/06/2011	Nam	39.00				39	8.08	6.50	6.80	Trường THCS Hòa Bình
46	Lý Gia Minh	11/12/2011	Nam	39.00				39	7.98	6.90	8.10	Trường THCS Hiệp Hòa
47	Phạm Thị Thùy Dung	26/03/2010	Nữ	39.00				39	7.91	7.30	8.00	Trường THCS Bình Đa
48	Nguyễn Trần Phương Linh	26/09/2011	Nữ	39.00				39	7.91	8.00	7.20	Trường THCS Hòa Bình
49	Nguyễn Thị Lan Anh	21/03/2011	Nữ	39.00				39	7.85	8.00	7.20	Trường THCS Tam Phước
50	Chu Ngọc Diệp Chi	22/05/2011	Nữ	38.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	39	7.75	7.60	6.90	Trường THCS Võ Thị Sáu
51	Lâm Nguyễn	10/04/2011	Nam	38.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	39	7.66	5.40	9.20	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
52	Tăng Thị Khả Vy	22/10/2011	Nữ	38.00				38	8.75	8.20	8.20	Trường ngoại tỉnh
53	Nguyễn Tường Phương Vy	12/03/2011	Nữ	38.00				38	8.74	8.00	8.50	Trường THCS Bùi Hữu Nghĩa
54	Nguyễn Thị Nhã Phương	29/07/2010	Nữ	38.00				38	8.68	8.90	7.00	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
55	Hà Thiên Trúc	16/09/2011	Nữ	37.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	38	8.58	8.00	8.70	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
56	Phùng Minh Thư	14/08/2011	Nữ	38.00				38	8.58	8.20	7.40	Trường THCS Hòa Bình
57	Đỗ Gia Hạo	15/04/2011	Nam	38.00				38	8.51	8.10	8.30	Trường THCS Võ Trường Toản
58	Nguyễn Đức Mạnh	21/01/2011	Nam	38.00				38	8.49	8.80	9.00	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ
59	Phạm Thảo Tâm Như	02/11/2011	Nữ	38.00				38	8.48	8.20	8.50	Trường THCS Hòa Bình
60	Nguyễn Thanh An	12/10/2011	Nữ	38.00				38	8.48	8.80	7.60	Trường THCS Hòa Hưng

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
61	Lê Khả Văn	03/07/2011	Nữ	38.00				38	8.42	7.40	7.20	Trường THCS Hòa Bình
62	Võ Lê Anh Đức	03/08/2011	Nam	38.00				38	8.41	7.20	8.10	Trường THCS Hòa Bình
63	Đặng Thùy Trâm	11/10/2011	Nữ	38.00				38	8.40	9.10	9.10	Trường THCS Tam Phước
64	Phan Quỳnh Anh	27/10/2011	Nữ	38.00				38	8.40	8.30	8.20	Trường THCS Lý Tự Trọng
65	Hoàng Gia Bảo	23/05/2011	Nam	38.00				38	8.39	8.20	8.10	Trường THCS Hòa Bình
66	Trang Thanh Tâm	04/10/2011	Nữ	37.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	38	8.39	7.40	8.60	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
67	Hoàng Trần Phát	22/09/2011	Nam	38.00				38	8.38	7.80	8.00	Trường THCS Hoàng Văn Thụ
68	Hoàng Vũ Lan Anh	24/09/2011	Nữ	38.00				38	8.36	7.70	7.80	Trường THCS Hùng Vương
69	Vũ Thị Thảo Vy	20/09/2011	Nữ	38.00				38	8.36	8.00	6.70	Trường THCS Hòa Bình
70	Trần Thị Kiều Vy	29/03/2011	Nữ	38.00				38	8.34	8.70	6.90	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
71	Vy Đàm Phúc Long	08/04/2011	Nam	37.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	38	8.31	7.10	8.30	Trường THCS Phước Tân 2
72	Trần Minh Nghĩa	21/09/2011	Nam	38.00				38	8.21	8.40	8.20	Trường THCS Long Bình
73	Đinh Trần Minh Thư	30/03/2011	Nữ	38.00				38	8.20	8.20	8.20	Trường THCS Hùng Vương
74	Trịnh Thế Nhật	03/05/2011	Nam	38.00				38	8.18	8.30	8.00	Trường THCS Phước Tân 1
75	Đỗ Thị Yến Nhi	22/07/2011	Nữ	38.00				38	8.18	6.80	8.00	Trường THCS Tam Phước
76	Lê Ngọc Ánh	19/11/2011	Nữ	38.00				38	8.16	7.30	8.90	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
77	Thạch Nữ Xuân An	24/06/2011	Nữ	37.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	38	8.16	7.50	7.50	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ
78	Huỳnh Ngọc Linh	27/08/2011	Nữ	38.00				38	8.15	6.40	7.10	Trường THCS Hòa Bình
79	Nguyễn Trung Hậu	25/07/2011	Nam	38.00				38	8.12	7.10	7.80	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
80	Ngô Quang Nam	02/01/2011	Nam	38.00				38	8.11	8.00	8.40	Trường THCS Võ Nguyên Giáp



STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
81	Nguyễn Hữu Công	04/08/2011	Nam	38.00				38	8.11	7.20	8.00	Trường THCS Phước Tân 1
82	Nguyễn Duy Tuấn Anh	24/05/2011	Nam	38.00				38	8.06	7.00	8.20	Trường THCS Tam Phước
83	Phạm Thùy Tiên	10/01/2011	Nữ	38.00				38	8.05	8.00	8.10	Trường THCS Võ Thị Sáu
84	Sơn Thị Bích Diệu	20/08/2011	Nữ	37.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	38	8.04	8.50	7.10	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
85	Đàm Nhã Đan	29/01/2011	Nữ	38.00				38	8.04	6.90	8.50	Trường THCS Hoàng Văn Thụ
86	Lê Dương Tổ Uyên	13/02/2011	Nữ	38.00				38	8.02	8.10	8.30	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
87	Nguyễn Thanh Trúc	11/03/2011	Nữ	38.00				38	8.02	8.60	7.60	Trường THCS Phước Tân 3
88	Nguyễn Ngọc Thanh Phương	25/07/2011	Nữ	38.00				38	8.02	5.90	8.70	Trường THCS Tam Phước
89	Phạm Đỗ Ý Anh	28/07/2011	Nữ	38.00				38	8.01	8.20	8.50	Trường THCS Võ Trường Toản
90	Ngô Khắc Việt	04/05/2011	Nam	38.00				38	8.01	8.10	7.70	Trường THCS Lý Tự Trọng
91	Trần Bảo Khánh	30/10/2011	Nam	38.00				38	8.01	8.00	7.30	Trường THCS Lý Tự Trọng
92	Võ Doãn Anh Tuấn	02/05/2011	Nam	38.00				38	8.01	6.90	8.20	Trường THCS Hòa Bình
93	Đỗ Xuân Nam	28/04/2011	Nam	38.00				38	8.00	6.50	8.10	Trường THCS Hòa Bình
94	Trương Thị Hồng Nhiên	05/05/2010	Nữ	38.00				38	7.99	7.60	6.60	Trường THCS Tam Phước
95	Đỗ Thị Ngọc Mỹ	07/10/2010	Nữ	38.00				38	7.98	8.60	7.00	Trường THCS Tam Phước
96	Phạm Thùy Linh	08/05/2011	Nữ	37.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	38	7.98	6.50	8.30	Trường THCS Hòa Bình
97	Nguyễn Đỗ Trà My	11/12/2011	Nữ	38.00				38	7.96	8.10	6.80	Trường THCS Tam Hòa
98	Nguyễn Đỗ Thảo Vy	24/01/2011	Nữ	37.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	38	7.95	6.70	7.40	Trường THCS Phan Chu Trinh
99	Hà Phi Trường	08/11/2011	Nam	38.00				38	7.92	6.70	9.20	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
100	Nguyễn Quốc Thiên	15/01/2011	Nam	38.00				38	7.92	6.90	7.90	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức

TRƯỜNG
PHỔ
THÔNG
LÂM
ĐÔNG
DƯƠNG

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
101	Nguyễn Hoàng Gia	20/09/2011	Nam	38.00				38	7.86	6.40	7.10	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
102	Lê Văn Kiệt	12/01/2011	Nam	38.00				38	7.84	6.90	8.00	Trường THCS Võ Thị Sáu
103	Đồng Ngọc Huyền Trang	18/08/2011	Nữ	38.00				38	7.84	8.00	6.10	Trường THCS Phước Tân 1
104	Lưu Vũ Phương Trinh	04/11/2011	Nữ	38.00				38	7.81	6.90	7.00	Trường THCS Hùng Vương
105	Bùi Thị Thu Diệp	20/07/2011	Nữ	37.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	38	7.78	5.60	7.20	Trường THCS Hòa Bình
106	Hà Thị Hằng	15/10/2011	Nữ	38.00				38	7.74	8.10	6.60	Trường THCS Tam Phước
107	Trần Diệp Ngọc Uyên	07/10/2011	Nữ	38.00				38	7.74	6.00	7.20	Trường THCS Phước Tân 3
108	Trần Thị Thuý Dương	24/06/2011	Nữ	37.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	38	7.69	7.50	7.00	Trường THCS Tam Phước
109	Vương Phương	21/10/2011	Nam	38.00				38	7.49	5.30	6.80	Trường THCS Hòa Bình
110	Nguyễn Thụy Như Ngọc	29/06/2011	Nữ	38.00				38	7.15	6.70	5.10	Trường THCS Tam Phước
111	Phạm Hồng Quang	05/06/2011	Nam	37.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	38	7.04	6.50	8.10	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
112	Lê Khánh Vân	08/05/2011	Nữ	37.00	Giải ba		0.50	37.5	8.14	8.00	7.50	Trường THCS Hùng Vương
113	Trần Huyền Hương Giang	24/06/2011	Nữ	37.00				37	8.88	8.90	8.80	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
114	Trần Thị Mỹ Dung	06/09/2011	Nữ	37.00				37	8.68	8.20	9.40	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
115	Nguyễn Thị Minh Châu	29/03/2011	Nữ	37.00				37	8.65	8.50	8.90	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
116	Đỗ Ngọc Kiều Vy	05/09/2011	Nữ	37.00				37	8.65	7.20	9.30	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
117	Nguyễn Duy Minh	10/06/2011	Nam	37.00				37	8.65	8.00	8.40	Trường THCS Minh Đức
118	Hồ Hoàng Thanh Trúc	12/10/2011	Nữ	37.00				37	8.65	7.90	8.40	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
119	Trần Hoàng Minh Thư	03/06/2011	Nữ	37.00				37	8.64	8.20	7.70	Trường THCS Hòa Bình
120	Nguyễn Ngọc Yến Như	21/02/2011	Nữ	37.00				37	8.61	8.50	8.00	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
121	Đỗ Thị Thu Thủy	01/09/2011	Nữ	37.00				37	8.59	9.00	8.00	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
122	Trần Nguyễn Bảo Châu	01/06/2011	Nữ	37.00				37	8.58	8.00	8.20	Trường THCS Phan Chu Trinh
123	Nguyễn Thị Hoài An	14/10/2011	Nữ	37.00				37	8.56	8.10	8.40	Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh
124	Lê Thị Thu Hồng	24/01/2011	Nữ	37.00				37	8.55	9.30	7.40	Trường THCS Tam Hòa
125	Phan Thùy Dương	23/10/2011	Nữ	37.00				37	8.55	7.00	9.10	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
126	Nguyễn Thị Cẩm Tú	19/05/2011	Nữ	37.00				37	8.54	9.10	8.10	Trường THCS Hòa Bình
127	Lê Hoàng Anh Quân	14/02/2010	Nam	37.00				37	8.52	7.70	9.00	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
128	Đặng Nguyễn Thùy Trang	12/09/2011	Nữ	37.00				37	8.51	7.30	8.80	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
129	Nguyễn Thị Hoàng Yến	08/12/2011	Nữ	37.00				37	8.49	7.80	8.00	Trường THCS Hòa Bình
130	Trần Văn Anh Quân	02/01/2011	Nam	37.00				37	8.48	7.70	8.50	Trường THCS Phước Tân 2
131	Lê Thị Phương Uyên	22/11/2011	Nữ	37.00				37	8.46	8.00	8.80	Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền
132	Phan Nguyễn Yến Nhi	21/09/2011	Nữ	37.00				37	8.46	8.10	8.30	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
133	Nguyễn Minh Hạnh	13/11/2011	Nữ	37.00				37	8.46	7.60	8.30	Trường THCS Long Bình
134	Lê Xuân Bắc	14/03/2011	Nam	37.00				37	8.45	7.70	8.50	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức
135	Đỗ Anh Hào	15/11/2011	Nam	37.00				37	8.45	6.80	8.00	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
136	Nguyễn Phúc Khánh	04/03/2011	Nam	37.00				37	8.44	8.10	8.60	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức
137	Huỳnh Phương Linh	28/04/2011	Nữ	37.00				37	8.44	8.90	7.80	Trường THCS Tam Hòa
138	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	14/12/2011	Nữ	37.00				37	8.42	8.30	8.10	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
139	Nguyễn Khắc Hải	10/11/2011	Nam	37.00				37	8.42	6.70	9.10	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
140	Lê Thị Thu Hiền	26/06/2011	Nữ	37.00				37	8.41	7.70	7.80	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
141	Đào Thị Ngọc Châu	22/02/2011	Nữ	37.00				37	8.40	7.50	7.80	Trường THCS Phan Chu Trinh
142	Lê Trần Khánh Ngọc	02/02/2011	Nữ	37.00				37	8.39	7.40	8.70	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
143	Nguyễn Hoàng Diễm My	28/06/2011	Nữ	37.00				37	8.38	8.30	8.20	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ
144	Nguyễn Anh Khôi	05/10/2011	Nam	37.00				37	8.38	7.70	8.00	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
145	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	25/02/2011	Nữ	37.00				37	8.36	6.20	9.00	Trường TH-THCS Trần Quốc Tuấn
146	Nguyễn Phương Linh	08/07/2011	Nữ	37.00				37	8.35	9.00	8.00	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
147	Lê Anh Đức	18/09/2011	Nam	37.00				37	8.35	7.50	8.60	Trường THCS Tam Phước
148	Đào Mai Lan	04/06/2011	Nữ	37.00				37	8.35	8.20	7.40	Trường THCS Hùng Vương
149	Hồ Nguyễn Tuyết Nga	11/01/2011	Nữ	37.00				37	8.34	7.80	9.30	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
150	Đặng Minh Phát	06/07/2011	Nam	37.00				37	8.34	8.00	9.10	Trường TH-THCS Trần Quốc Tuấn
151	Phạm Nguyễn Hải Yến	31/03/2011	Nữ	37.00				37	8.34	7.70	9.00	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
152	Hoàng Thị Thuý Tiên	14/03/2011	Nữ	37.00				37	8.34	7.10	7.70	Trường THCS Minh Đức
153	Lương Ngọc Bảo Thy	06/10/2011	Nữ	37.00				37	8.32	8.00	8.80	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
154	Đinh Nguyễn Phương Uyên	29/06/2011	Nữ	37.00				37	8.32	8.30	8.30	Trường THCS Hòa Bình
155	Hoàng Khánh Linh	10/07/2011	Nữ	37.00				37	8.32	8.30	7.90	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức
156	Quách Bảo Trâm	12/09/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	8.31	7.20	8.20	Trường THCS Hòa Bình
157	Lê Công Đạt	01/01/2011	Nam	37.00				37	8.31	6.50	8.40	Trường THCS Hòa Bình
158	Nguyễn Phương Quỳnh Thư	28/04/2011	Nữ	37.00				37	8.30	8.30	7.70	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
159	Ngô Thị Diệu Huyền	28/03/2011	Nữ	37.00				37	8.30	7.60	8.30	Trường THCS Hòa Bình
160	Huỳnh Huy Hiếu	04/11/2011	Nam	37.00				37	8.30	7.90	8.00	Trường THCS Hùng Vương

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
161	Lê Nguyễn Tuấn Anh	12/05/2011	Nam	37.00				37	8.29	7.50	8.10	Trường THCS Hòa Bình
162	Trần Ngọc Ánh Dương	27/06/2011	Nữ	37.00				37	8.29	8.40	7.10	Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh
163	Nguyễn Hoàng Trúc Linh	12/06/2011	Nữ	37.00				37	8.29	6.80	8.20	Trường THCS Tam Phước
164	Nguyễn Ngọc Thanh Thùy	13/04/2011	Nữ	37.00				37	8.28	8.90	7.40	Trường THCS Lý Tự Trọng
165	Ngô Kỳ Duyên	16/12/2011	Nữ	37.00				37	8.28	6.50	8.10	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
166	Nguyễn Đỗ Gia Hân	21/09/2011	Nữ	37.00				37	8.26	7.10	9.00	Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh
167	Nguyễn Quỳnh Như	10/07/2010	Nữ	37.00				37	8.26	7.50	8.60	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
168	Trần Nguyễn Huy Khánh	17/09/2011	Nam	37.00				37	8.26	7.50	7.90	Trường THCS Hòa Bình
169	Vũ Lê Thành Doanh	07/02/2011	Nam	37.00				37	8.26	8.00	7.00	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
170	Hoàng Đào Trà My	15/09/2011	Nữ	37.00				37	8.24	8.00	8.00	Trường THCS Tam Phước
171	Vũ Thị Ngọc Hân	25/01/2011	Nữ	37.00				37	8.24	6.90	8.00	Trường THCS Hùng Vương
172	Nguyễn Mai Linh	20/05/2011	Nữ	37.00				37	8.24	8.00	6.90	Trường THCS Phước Tân 2
173	Huỳnh Nhật Huy	09/12/2011	Nam	37.00				37	8.22	7.60	6.90	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
174	Vũ Đình Hoàng Phong	10/02/2011	Nam	37.00				37	8.21	7.60	8.70	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
175	Đỗ Đức Phát	08/11/2011	Nam	37.00				37	8.20	6.90	8.50	Trường THCS Phan Chu Trinh
176	Phạm Hữu Hoàn	03/04/2011	Nam	37.00				37	8.20	7.50	7.90	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
177	Phạm Bảo Trân	22/06/2011	Nữ	37.00				37	8.20	6.60	8.10	Trường THCS Hùng Vương
178	Nguyễn Hoàng Phúc	11/10/2011	Nam	37.00				37	8.20	6.70	7.40	Trường THCS-THPT Hùng Vương
179	Phạm Gia Hân	13/09/2011	Nữ	37.00				37	8.19	7.20	8.20	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
180	Trương Nhật Phi	07/11/2011	Nam	37.00				37	8.19	7.40	7.40	Trường THCS Tam Phước



STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
181	Dương Thị Tuyết Nhi	23/07/2011	Nữ	37.00				37	8.16	8.00	8.20	Trường THCS Võ Thị Sáu
182	Nguyễn Thị Thuý Tiên	19/12/2011	Nữ	37.00				37	8.16	7.50	8.00	Trường THCS Lý Tự Trọng
183	Vũ Yến Nhi	06/10/2011	Nữ	37.00				37	8.16	7.20	6.80	Trường THCS Hòa Bình
184	Phạm Phương Linh	21/06/2011	Nữ	37.00				37	8.15	7.00	9.30	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
185	Cao Thanh Thùy	24/11/2010	Nữ	37.00				37	8.15	6.70	9.10	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
186	Lê Trần Bảo Trân	03/08/2011	Nữ	37.00				37	8.15	7.70	7.80	Trường THCS Lê Quang Định
187	Nguyễn Thị Tuyết Mai	07/05/2011	Nữ	37.00				37	8.15	7.00	7.40	Trường THCS Hòa Bình
188	Trần Nhật Duy	30/10/2011	Nam	37.00				37	8.14	8.80	7.00	Trường THCS Hòa Bình
189	Phạm Thị Bảo Như	18/06/2011	Nữ	37.00				37	8.14	8.00	7.60	Trường TH-THCS Trần Quốc Tuấn
190	Lê Vũ Bảo Châu	27/03/2011	Nữ	37.00				37	8.14	8.00	7.50	Trường THCS Tam Phước
191	Dương Trương Thiên Ý	15/11/2011	Nữ	37.00				37	8.14	7.40	7.50	Trường THCS Hùng Vương
192	Trần Kim Khỏe	11/04/2011	Nữ	37.00				37	8.12	6.70	8.50	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
193	Nguyễn Thảo Hương	27/10/2011	Nữ	37.00				37	8.12	6.80	7.90	Trường THCS Phước Tân 3
194	Nguyễn Minh Hằng	12/02/2011	Nữ	37.00				37	8.12	7.80	6.90	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức
195	Trương Gia Nhi	10/06/2011	Nữ	37.00				37	8.11	7.20	8.10	Trường THCS Hùng Vương
196	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	05/08/2011	Nam	37.00				37	8.11	6.60	7.40	Trường THCS Phan Chu Trinh
197	Trần Mỹ Gia Như	19/01/2011	Nữ	37.00				37	8.10	8.10	8.70	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
198	Đoàn Nguyễn Quốc Trung	27/04/2011	Nam	37.00				37	8.10	8.10	8.00	Trường THCS Lý Tự Trọng
199	Ngô Xuân Mai	26/05/2011	Nữ	37.00				37	8.10	6.50	8.40	Trường THCS Hòa Bình
200	Ngô Phương Nhi	03/07/2011	Nữ	37.00				37	8.10	5.80	7.30	Trường THCS Hòa Bình

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
201	Lê Huyền Trang	22/02/2011	Nữ	37.00				37	8.09	8.00	8.10	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ
202	Nguyễn Thị Mỹ Dung	10/09/2011	Nữ	37.00				37	8.09	6.70	7.70	Trường THCS Tam Phước
203	Phan Thị Uyên	05/08/2011	Nữ	37.00				37	8.08	8.70	7.20	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
204	Lê Tân Quang	27/11/2011	Nam	37.00				37	8.08	6.90	7.40	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
205	Nguyễn Phương Nam	15/01/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng kho khăn	1.00	37	8.06	8.00	7.70	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
206	Trần Phan Trà My	12/07/2011	Nữ	37.00				37	8.06	8.00	7.10	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
207	Trần Nguyễn Ngọc Vy	04/11/2011	Nữ	37.00				37	8.05	8.20	7.90	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
208	Trần Anh Thư	25/10/2011	Nữ	37.00				37	8.05	7.20	8.50	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
209	Nguyễn Thị Anh Thư	16/12/2011	Nữ	37.00				37	8.05	6.80	8.10	Trường THCS Hòa Bình
210	Dương Phạm Quỳnh Anh	26/05/2011	Nữ	37.00				37	8.04	7.80	8.10	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
211	Phạm Thành Danh	21/09/2011	Nam	37.00				37	8.02	7.80	8.80	Trường THCS Tam Phước
212	Bùi Trung Hiếu	16/04/2011	Nam	37.00				37	8.01	7.40	7.50	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
213	Nguyễn Hoàng Phương Đông	21/11/2010	Nam	37.00				37	8.01	6.50	8.30	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
214	Nguyễn Hồng Bảo Uyên	01/06/2011	Nữ	37.00				37	8.00	8.00	8.20	Trường THCS An Bình
215	Lê Mai Thanh Trúc	26/10/2011	Nữ	37.00				37	8.00	7.90	7.20	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
216	Nguyễn Liên Huệ Ngân	06/08/2011	Nữ	37.00				37	8.00	6.00	7.30	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc
217	Lê Hà Thảo Vy	20/11/2011	Nữ	37.00				37	8.00	6.50	6.80	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
218	Nguyễn Dương Nhân	12/03/2011	Nam	37.00				37	7.99	6.90	6.80	Trường THCS Hòa Bình
219	Trần Gia Long	27/09/2011	Nam	37.00				37	7.98	8.20	8.40	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ
220	Lại Quỳnh Trang	15/10/2011	Nữ	37.00				37	7.98	7.40	7.50	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
221	Võ Đức Anh	16/11/2011	Nam	37.00				37	7.98	7.20	6.70	Trường THCS Hòa Bình
222	Huỳnh Minh Khôi	23/07/2011	Nam	37.00				37	7.95	8.00	8.00	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
223	Trần Nguyễn Thanh Tâm	20/09/2011	Nữ	37.00				37	7.95	7.90	6.20	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
224	Tsàn Minh Huy	13/03/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.95	7.20	6.50	Trường THCS Võ Thị Sáu
225	Hà Quốc Anh Kiệt	19/08/2011	Nam	37.00				37	7.94	7.40	8.60	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
226	Hoàng Quang Nguyễn	06/12/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.94	7.50	7.70	Trường THCS Hòa Bình
227	Cao Thị Ngọc Ánh	24/10/2011	Nữ	37.00				37	7.94	7.20	7.70	Trường TH-THCS Bắc Sơn
228	Phan Thanh Nghĩa	06/03/2011	Nam	37.00				37	7.94	6.90	7.40	Trường THCS Hùng Vương
229	Hà Minh Hằng	20/02/2011	Nữ	37.00				37	7.92	8.30	8.30	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
230	Nguyễn Hoàng Trà My	29/03/2011	Nữ	37.00				37	7.92	8.50	6.30	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
231	Đặng Hoàng Long	05/02/2010	Nam	37.00				37	7.92	7.70	6.80	Trường THCS Lý Tự Trọng
232	Trương Văn Sang	29/10/2011	Nam	37.00				37	7.92	7.10	7.20	Trường THCS Long Bình
233	Vũ Thị Vân Anh	31/03/2011	Nữ	37.00				37	7.91	8.00	8.20	Trường THCS Hùng Vương
234	Vũ Thị Huyền Trâm	17/02/2011	Nữ	37.00				37	7.91	7.10	8.20	Trường THCS Võ Thị Sáu
235	Hoàng Minh Hải	02/06/2011	Nam	37.00				37	7.91	6.00	7.70	Trường THCS Hòa Bình
236	Ngô Thanh Hằng	09/10/2011	Nữ	37.00				37	7.90	7.70	7.50	Trường THCS Tam Phước
237	Nghiêm Khánh Linh	24/08/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.90	8.20	6.60	Trường THCS Võ Thị Sáu
238	Hồ Như Hào	25/02/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.90	6.60	7.50	Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh
239	Nguyễn Khánh Ngọc	24/07/2011	Nữ	37.00				37	7.90	6.60	7.20	Trường THCS Võ Thị Sáu
240	Ngô Ngọc Ánh Linh	31/07/2011	Nữ	37.00				37	7.85	7.00	8.70	Trường THCS Phước Tân 3

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
241	Lê Thu Phương	01/02/2011	Nữ	37.00				37	7.85	7.60	7.20	Trường THCS Võ Thị Sáu
242	Thông Giai Kiệt	11/06/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.85	7.10	6.60	Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh
243	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi	12/09/2011	Nữ	37.00				37	7.84	7.60	7.00	Trường THCS Tam Phước
244	Hoàng Ngọc Ngân Khánh	14/06/2011	Nữ	37.00				37	7.82	8.00	7.50	Trường THCS Trảng Dài
245	Đặng Trần Anh Quân	28/11/2011	Nam	37.00				37	7.82	7.00	6.90	Trường THCS Hòa Bình
246	Trần Phương Khánh Huyền	14/09/2011	Nữ	37.00				37	7.82	6.70	7.10	Trường THCS Tam Phước
247	Lồ Kỳ Khang	13/06/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.81	6.80	8.00	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
248	Phạm Đức Tài	24/03/2011	Nam	37.00				37	7.81	5.90	8.40	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
249	Ngô Lê Thanh Thảo	08/09/2011	Nữ	37.00				37	7.81	6.90	6.50	Trường THCS Võ Thị Sáu
250	Hoàng Phạm Khánh An	23/05/2011	Nam	37.00				37	7.79	7.10	6.90	Trường THCS Lê Quang Định
251	Võ Trần Diệu Hiền	26/08/2011	Nữ	37.00				37	7.76	7.70	7.60	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
252	Nguyễn Thế Anh	27/04/2011	Nam	37.00				37	7.76	6.20	7.50	Trường THCS Hòa Bình
253	Nguyễn Công Việt Đức	20/09/2011	Nam	37.00				37	7.75	6.50	6.70	Trường THCS Trần Hưng Đạo
254	Trương Nguyễn Nhật Huy	01/05/2011	Nam	37.00				37	7.74	8.00	7.10	Trường THCS Hùng Vương
255	Lý Hoàng Trung Hiếu	06/06/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.74	6.60	7.40	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
256	Bùi Ngọc Anh	02/11/2011	Nữ	37.00				37	7.74	8.30	5.70	Trường THCS Tam Phước
257	Hà Thị Khánh Ngân	19/08/2011	Nữ	37.00				37	7.71	6.70	7.80	Trường THCS Minh Đức
258	Đoàn Thiên Bảo	22/03/2011	Nam	37.00				37	7.71	6.50	7.10	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
259	Nguyễn Tấn Trường	11/03/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.71	6.60	6.20	Trường THCS Võ Thị Sáu
260	Võ Nguyễn Minh Diệu	25/03/2011	Nữ	37.00				37	7.70	7.60	8.00	Trường THCS Võ Thị Sáu

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
261	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	24/09/2011	Nữ	37.00				37	7.69	7.20	7.70	Trường THCS Hùng Vương
262	Lê Đăng Khôi	04/09/2011	Nam	37.00				37	7.68	6.90	6.90	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
263	Lê Hồ Như Ý	29/03/2011	Nữ	37.00				37	7.68	7.10	6.50	Trường THCS Võ Thị Sáu
264	Nguyễn Phương Trang	24/05/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.68	6.50	6.70	Trường THCS Phước Tân 2
265	Nguyễn Văn Khánh	24/02/2011	Nữ	37.00				37	7.68	7.60	5.60	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
266	Trần Thị Thủy Tiên	12/08/2011	Nữ	37.00				37	7.68	6.80	6.20	Trường THCS Long Bình Tân
267	Hùng Thị Tuyết Sương	22/12/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.65	6.50	7.20	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
268	Ma Văn Tuyên	26/07/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.62	6.50	6.40	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
269	Đỗ Gia Bảo	11/09/2011	Nữ	37.00				37	7.51	7.00	8.10	Trường THCS Tam Phước
270	Phan Gia Thịnh	24/11/2011	Nam	37.00				37	7.60	6.40	8.00	Trường THCS Võ Thị Sáu
271	Trần Bảo Vy	23/02/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.60	7.00	7.20	Trường THCS Võ Thị Sáu
272	Đào Ngọc Tường Lam	08/03/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.59	8.20	6.90	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
273	Nguyễn Quốc Huy	18/09/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.58	6.30	6.70	Trường THCS Hòa Bình
274	Đỗ Duy Uyên	10/08/2011	Nữ	37.00				37	7.56	6.90	6.00	Trường THCS Lý Tự Trọng
275	Trần Ngọc Phương Uyên	06/01/2011	Nữ	37.00				37	7.55	7.90	7.10	Trường THCS Lý Tự Trọng
276	Hà Phương Uyên	15/09/2011	Nữ	37.00				37	7.54	7.50	6.60	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
277	Lê Thu Hồng	25/08/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.52	8.50	7.20	Trường THCS Lý Tự Trọng
278	Đào Việt Cường	31/12/2011	Nam	37.00				37	7.52	7.60	6.60	Trường THCS Hùng Vương
279	Hồ Trường Huy	11/07/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.50	6.90	7.10	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
280	Bùi Văn Quốc Huy	30/11/2011	Nam	37.00				37	7.49	6.00	7.00	Trường THCS Tam Phước



STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
281	Ngô Thanh Tuấn Anh	18/03/2011	Nam	37.00				37	7.46	7.30	6.80	Trường THCS Lý Tự Trọng
282	Hoàng Lương Hà My	13/06/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.42	6.50	7.20	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
283	Hồ Thiện Phú	11/01/2011	Nam	37.00				37	7.42	7.10	6.50	Trường THCS Hòa Bình
284	Bùi Lê Kim Huyền	23/08/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.39	7.80	6.60	Trường THCS Phước Tân I
285	Từ Gia Hân	24/09/2011	Nữ	37.00				37	7.39	7.40	6.00	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
286	Nguyễn Hoàng Thiên An	02/08/2011	Nữ	37.00				37	7.39	6.80	6.10	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
287	Lương Quốc Dũng	24/04/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.34	6.70	7.50	Trường THCS Long Bình Tân
288	Trần Vũ Phong	07/05/2011	Nam	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.34	5.80	7.90	Trường THCS Võ Thị Sáu
289	Nguyễn Hoàng Kim Yến	09/04/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.28	6.50	6.90	Trường THCS Võ Thị Sáu
290	Nim Hương Lan	12/01/2010	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	7.26	6.60	6.60	Trường THCS Lý Tự Trọng
291	Lê Minh Truyền	27/05/2011	Nam	37.00				37	7.26	6.50	6.30	Trường THCS Hòa Bình
292	Trần Nguyên Khang	12/04/2011	Nam	37.00				37	7.22	5.60	6.50	Trường THCS Hùng Vương
293	Trương Thị Thuỳ Dương	10/12/2011	Nữ	37.00				37	7.21	5.60	7.40	Trường THCS Võ Thị Sáu
294	Đinh Thị Nguyệt Minh	23/09/2011	Nữ	37.00				37	7.19	5.30	6.40	Trường THCS Hòa Bình
295	Bùi Lê Gia Huy	13/08/2011	Nam	37.00				37	7.11	6.30	6.50	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức
296	Vũ Bá Quang Huy	08/04/2011	Nam	37.00				37	7.09	6.60	6.60	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
297	Hà Tuyết Phượng	23/03/2011	Nữ	36.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	37	6.91	7.20	5.70	Trường THCS Võ Thị Sáu
298	Nguyễn Nhật Bảo	28/10/2011	Nam	37.00				37	6.81	6.60	5.00	Trường THCS Tam Phước
299	Nguyễn Ngọc Ngân Hà	23/06/2011	Nữ	36.00				36	8.58	8.00	8.30	Trường THCS Hòa Bình
300	Nguyễn Thạch Bảo Khang	16/10/2011	Nam	36.00				36	8.49	8.80	8.80	Trường THCS Lý Tự Trọng

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
301	Ngô Hiền Bảo Như	09/05/2011	Nữ	36.00				36	8.49	7.90	8.10	Trường THCS Phan Chu Trinh
302	Nguyễn Quỳnh Như	12/09/2011	Nữ	36.00				36	8.45	8.70	8.00	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
303	Đoàn Vi Trà Giang	19/12/2011	Nữ	36.00				36	8.41	8.00	8.70	Trường THCS Phước Tân 2
304	Trần Lê Thanh Trúc	28/12/2011	Nữ	36.00				36	8.39	7.30	7.30	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
305	Trần Quang Liêm	24/03/2011	Nam	36.00				36	8.38	7.80	7.40	Trường TH-THCS bán trú Bông Sen
306	Mai Nguyễn Bảo Hân	28/06/2011	Nữ	36.00				36	8.36	7.70	7.80	Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức
307	Dương Thị Vân Lam	27/05/2011	Nữ	36.00				36	8.36	7.70	7.10	Trường THCS Phước Tân 2
308	Nguyễn Thị Gia Hân	31/03/2011	Nữ	36.00				36	8.34	7.50	7.50	Trường TH-THCS Bắc Sơn
309	Nguyễn Trần Trà My	22/03/2011	Nữ	36.00				36	8.32	5.70	8.30	Trường THCS Nguyễn Hữu Cánh
310	Đào Trọng Tính	05/04/2011	Nam	36.00				36	8.29	8.60	7.50	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
311	Nguyễn Phương Linh	20/08/2011	Nữ	36.00				36	8.29	7.20	7.20	Trường TH-THCS bán trú Bông Sen
312	Phạm Phương Thảo	26/11/2011	Nữ	36.00				36	8.26	8.00	9.20	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
313	Nguyễn Bảo Trâm	29/09/2011	Nữ	36.00				36	8.26	8.10	7.60	Trường THCS Hùng Vương
314	Giáp Hoàng Bảo Ngọc	15/10/2011	Nữ	36.00				36	8.25	8.30	7.40	Trường TH-THCS Bắc Sơn
315	Hoàng Phan Thái Bảo	31/12/2011	Nữ	36.00				36	8.25	7.80	7.80	Trường THCS Hòa Bình
316	Nguyễn Tiến Đạt	17/09/2011	Nam	36.00				36	8.25	7.40	8.00	Trường THCS Hòa Bình
317	Lê Gia An	18/03/2011	Nam	36.00				36	8.22	7.00	7.00	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
318	Bùi Ngọc Gia Mỹ	13/06/2011	Nữ	36.00				36	8.20	7.50	9.10	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
319	Lưu Gia Hân	31/07/2011	Nữ	36.00				36	8.20	8.00	7.50	Trường THCS Hòa Bình
320	Nguyễn Thái Quỳnh Như	07/01/2011	Nữ	36.00				36	8.20	8.20	7.20	Trường THCS Võ Nguyên Giáp

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
321	Nguyễn Đăng Ngân Hà	13/04/2011	Nữ	36.00				36	8.20	8.10	7.20	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
322	Trần Quốc Kiệt	02/03/2011	Nam	36.00				36	8.20	7.60	7.50	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
323	Nguyễn Ngọc Khởi My	22/07/2011	Nữ	36.00				36	8.19	7.60	8.00	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc
324	Trần Ngọc Anh Thư	10/01/2011	Nữ	36.00				36	8.19	7.00	8.30	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
325	Chênh Hưng Hữu	27/12/2011	Nam	35.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	36	8.19	6.80	8.20	Trường THCS Võ Thị Sáu
326	Hoàng Anh Tuấn	13/01/2011	Nam	36.00				36	8.19	7.50	7.30	Trường THCS Hòa Bình
327	Vũ Ngọc Lan Chi	22/12/2010	Nữ	36.00				36	8.19	6.50	7.70	Trường THCS Phan Chu Trinh
328	Nguyễn Ngọc Phương Vy	30/10/2011	Nữ	36.00				36	8.18	8.60	7.70	Trường TH-THCS Bắc Sơn
329	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	25/05/2011	Nữ	36.00				36	8.18	7.10	8.40	Trường THCS Hòa Bình
330	Trịnh Thanh Thủy	25/01/2011	Nữ	36.00				36	8.16	9.00	8.00	Trường THCS Tam Phước
331	Đỗ Minh Quân	20/09/2011	Nam	36.00				36	8.16	8.60	7.00	Trường THCS Lý Tự Trọng
332	Nguyễn Hoàng Nam Nguyên	12/06/2011	Nam	36.00				36	8.15	7.40	7.70	Trường THCS Lý Tự Trọng
333	Võ Ngọc Trà My	06/09/2011	Nữ	36.00				36	8.14	6.60	7.60	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
334	Khuất Đăng Minh	29/12/2011	Nam	36.00				36	8.12	7.50	8.00	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
335	Trần Quốc Huy	17/11/2011	Nam	36.00				36	8.12	7.30	7.60	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
336	Dương Thư Ngọc	11/07/2011	Nữ	35.00		Con dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	1.00	36	8.11	7.20	8.30	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
337	Lại Ngọc Bảo Thy	12/08/2011	Nữ	36.00				36	8.11	6.20	7.40	Trường THCS Phan Chu Trinh
338	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	20/12/2011	Nữ	36.00				36	8.10	7.10	8.00	Trường THCS Võ Thị Sáu
339	Trần Công Hải Dương	21/01/2011	Nam	36.00				36	8.10	6.50	8.20	Trường THCS Hòa Bình
340	Phùng Thị Như Ngọc	10/04/2011	Nữ	36.00				36	8.09	7.10	8.40	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
341	Nguyễn Quốc Phi	29/09/2011	Nam	36.00				36	8.09	6.30	8.70	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
342	Đinh Hoàng Khang	01/07/2011	Nam	36.00				36	8.08	6.10	7.90	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
343	Vũ Lâm Tuấn Anh	05/07/2011	Nam	36.00				36	8.06	8.30	7.50	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
344	Trịnh Hoài Tú	05/02/2011	Nữ	36.00				36	8.06	7.60	7.80	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
345	Lê Đức Khôi Nguyên	17/06/2011	Nam	36.00				36	8.06	6.10	7.60	Trường THCS Hòa Bình
346	Nguyễn Lê Cẩm Tú	07/08/2011	Nữ	36.00				36	8.05	7.90	8.10	Trường TH-THCS Bắc Sơn
347	Trần Thiên Bảo	13/12/2011	Nam	36.00				36	8.05	8.20	7.40	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
348	Võ Trọng	28/05/2011	Nam	36.00				36	8.05	7.20	7.90	Trường THCS Hùng Vương
349	Trần Vương Ái My	29/03/2011	Nữ	36.00				36	8.05	7.10	8.00	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
350	Võ Thị Quỳnh Anh	09/05/2011	Nữ	36.00				36	8.05	7.50	7.60	Trường THCS Hòa Bình
351	Phạm Ngọc Hân	12/12/2011	Nữ	36.00				36	8.05	7.10	7.90	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
352	Phạm Tiến Đạt	12/10/2011	Nam	36.00				36	8.04	7.40	8.90	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc
353	Kiều Nguyễn Thảo Nguyên	11/11/2011	Nữ	36.00				36	8.04	7.40	8.00	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
354	Phạm Minh Tiến	23/04/2011	Nam	36.00				36	8.04	8.00	7.40	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc
355	Lê Thiện Trung	17/04/2011	Nam	36.00				36	8.02	6.30	9.00	Trường THCS Võ Thị Sáu
356	Nguyễn Văn Linh	27/08/2011	Nam	36.00				36	8.02	8.00	7.00	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
357	Lê Hoàng Sang	14/11/2011	Nam	36.00				36	8.02	7.60	6.80	Trường THCS Minh Đức
358	Nguyễn Thu Hiền	29/05/2011	Nữ	36.00				36	8.01	8.00	7.90	Trường THCS Hòa Bình
359	Lê Anh Thư	19/08/2011	Nữ	36.00				36	8.01	7.10	8.20	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
360	Ninh Thị Ngọc Ánh	04/02/2011	Nữ	36.00				36	8.01	6.90	8.20	Trường THCS Hòa Bình

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
361	Nguyễn Quốc Hưng	29/10/2011	Nam	36.00				36	8.01	7.10	8.00	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
362	Mai Thế Hiền	19/02/2011	Nam	36.00				36	8.01	7.60	6.80	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
363	Nguyễn Thị Diễm Hương	11/07/2011	Nữ	36.00				36	8.01	6.80	7.00	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
364	Nguyễn Văn Hoàng Anh	17/05/2011	Nam	36.00				36	8.00	7.80	8.40	Trường THCS Minh Đức
365	Lương Thị Kim Ngân	15/10/2011	Nữ	36.00				36	8.00	7.20	8.10	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
366	Trần Hải Quân	20/08/2011	Nam	36.00				36	8.00	6.20	8.50	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
367	Nguyễn Lê Anh Thư	08/01/2011	Nữ	36.00				36	8.00	7.60	6.60	Trường THCS Lý Tự Trọng
368	Nguyễn Phương Trang	29/07/2011	Nữ	36.00				36	7.99	8.60	8.10	Trường THCS Tam Phước
369	Phạm Thành Đạt	19/12/2011	Nam	36.00				36	7.99	7.50	7.80	Trường THCS Hòa Bình
370	Nguyễn Ngọc Kim Uyên	30/10/2011	Nữ	36.00				36	7.99	7.20	7.30	Trường THCS Trảng Dài
371	Trần Vũ Quỳnh Anh	23/09/2011	Nữ	36.00				36	7.98	8.30	8.40	Trường THCS Hòa Hưng
372	Trần Ngọc Như Ý	17/05/2011	Nữ	36.00				36	7.98	8.10	8.30	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
373	Nguyễn Duy Khôi	02/10/2011	Nam	36.00				36	7.98	6.90	8.20	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
374	Tân Ngô Phương Anh	26/10/2011	Nữ	36.00				36	7.98	7.50	7.50	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ
375	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	24/02/2011	Nữ	36.00				36	7.98	7.00	7.10	Trường THCS Hòa Bình
376	Nguyễn Bình An	20/06/2011	Nam	36.00				36	7.96	7.40	7.90	Trường TH-THCS Trần Quốc Tuấn
377	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	03/08/2011	Nữ	36.00				36	7.96	7.10	7.70	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
378	Phạm Trần Anh Thy	20/06/2011	Nữ	36.00				36	7.96	7.00	7.50	Trường THCS Bùi Hữu Nghĩa
379	Lê Hoàng Bách	19/03/2011	Nam	36.00				36	7.96	6.30	7.30	Trường THCS Phan Chu Trinh
380	Nguyễn Hoài Nam	11/04/2011	Nam	36.00				36	7.96	5.90	7.10	Trường TH-THCS Bắc Sơn

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
381	Hoàng Ngọc Mai	14/10/2011	Nữ	36.00				36	7.95	6.20	7.80	Trường THCS Hòa Bình
382	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/10/2011	Nữ	36.00				36	7.95	6.20	7.50	Trường THCS Hòa Bình
383	Lương Trúc Phương	14/08/2011	Nữ	36.00				36	7.94	8.20	8.70	Trường THCS Hùng Vương
384	Trần Bảo Khang	25/02/2011	Nam	36.00				36	7.94	8.40	7.30	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
385	Nguyễn Hà Vân Trang	26/11/2011	Nữ	36.00				36	7.94	7.70	6.60	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
386	Nguyễn Minh Triều	10/12/2011	Nam	36.00				36	7.94	7.40	6.50	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
387	Võ Thị Kim Anh	01/01/2011	Nữ	36.00				36	7.92	6.90	8.60	Trường THCS Hùng Vương
388	Huỳnh Lê Khôi	02/07/2011	Nam	36.00				36	7.92	7.40	7.30	Trường THCS Hùng Vương
389	Nguyễn Bảo Nam	06/05/2011	Nam	36.00				36	7.92	7.10	7.40	Trường THCS Hòa Bình
390	Đỗ Thu Hằng	09/03/2011	Nữ	36.00				36	7.92	6.70	7.10	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
391	Phan Hoàng Linh Nhi	04/05/2011	Nữ	36.00				36	7.91	9.00	6.50	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
392	Phạm Minh Phương	12/03/2011	Nữ	36.00				36	7.91	7.40	7.60	Trường THCS Minh Đức
393	Vũ Ngọc Mỹ Tâm	28/07/2011	Nữ	36.00				36	7.91	6.10	8.80	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
394	Nguyễn Văn Đức Minh	30/09/2011	Nam	36.00				36	7.91	5.80	8.50	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
395	Tạ Thảo Kim Ngân	05/02/2011	Nữ	36.00				36	7.91	6.60	7.70	Trường TH-THCS Bắc Sơn
396	Lê Thị Phương Thảo	17/09/2011	Nữ	36.00				36	7.91	7.70	6.60	Trường THCS Lý Tự Trọng
397	Châu Gia Thương	17/05/2011	Nam	36.00				36	7.91	5.90	8.10	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
398	Vũ Thị Uyên Trang	17/02/2011	Nữ	36.00				36	7.91	5.70	7.80	Trường THCS Hòa Bình
399	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	03/02/2011	Nữ	36.00				36	7.91	7.20	6.30	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
400	Đào Thanh Thủy	15/06/2011	Nữ	36.00				36	7.90	8.20	6.70	Trường THCS Phước Tân 1



STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
401	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	15/10/2011	Nữ	36.00				36	7.90	8.00	6.40	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
402	Hồ Trịnh Phương Anh	15/10/2011	Nữ	36.00				36	7.90	6.60	7.50	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
403	Trần Mỹ Duyên	05/05/2011	Nữ	36.00				36	7.89	8.50	8.40	Trường THCS Minh Đức
404	Nguyễn Quốc Duy	23/08/2011	Nam	36.00				36	7.89	7.50	7.80	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
405	Trương Gia Bảo	13/01/2011	Nam	36.00				36	7.89	7.00	7.60	Trường THCS Tam Phước
406	Trần Hữu Hoàng Long	09/08/2011	Nam	36.00				36	7.89	6.30	8.10	Trường THCS Hòa Bình
407	Nguyễn Hoàng Linh	17/12/2011	Nữ	36.00				36	7.89	6.80	7.60	Trường THCS Hòa Bình
408	Trần Nguyễn Minh Tiên	19/09/2011	Nữ	36.00				36	7.89	6.80	5.70	Trường THCS Hòa Bình
409	Trần Minh Anh	11/09/2011	Nữ	36.00				36	7.88	7.50	8.60	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
410	Phan Thị Tho	25/01/2011	Nữ	36.00				36	7.88	6.70	8.50	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
411	Nguyễn Lương Hoàng Anh	07/05/2011	Nam	36.00				36	7.88	6.30	8.00	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
412	Nguyễn Huỳnh Ngọc An	03/05/2011	Nữ	36.00				36	7.88	6.10	8.10	Trường THCS Tam Phước
413	Mai Phương Thúy	13/03/2011	Nữ	36.00				36	7.88	6.90	7.10	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc
414	Mai Thành Đạt	22/06/2011	Nam	36.00				36	7.86	6.90	8.70	Trường THCS Hùng Vương
415	Nguyễn Quang Huy	15/03/2010	Nam	36.00				36	7.86	7.90	6.80	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
416	Trần Hoàng Gia Hưng	28/12/2010	Nam	36.00				36	7.86	7.10	6.80	Trường THCS Lý Tự Trọng
417	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	21/04/2011	Nữ	36.00				36	7.86	6.20	6.70	Trường THCS Hòa Bình
418	Trần Đỗ Ánh Dương	17/01/2011	Nam	36.00				36	7.85	7.50	8.10	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
419	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	12/07/2011	Nữ	36.00				36	7.85	7.50	7.90	Trường THCS Phước Tân 1
420	Đỗ Ngọc Nhã Uyên	26/10/2011	Nữ	36.00				36	7.85	7.30	8.10	Trường THCS Long Bình

VÀ MÔ
 ỨNG
 HỌC
 CÔNG
 HIỆP
 NAI
 LAM

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
421	Trần Thiên Phúc	07/12/2011	Nam	36.00				36	7.85	8.10	6.90	Trường THCS Hòa Bình
422	Lý Thị Ngọc Linh	08/08/2011	Nữ	36.00				36	7.85	6.60	8.00	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
423	Nguyễn Vũ Thảo Nguyên	27/12/2011	Nữ	36.00				36	7.84	7.20	8.10	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
424	Phạm Thị Thanh Tâm	17/08/2011	Nữ	36.00				36	7.84	7.30	8.00	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
425	Kiều Ánh Mai	06/09/2011	Nữ	36.00				36	7.84	7.70	7.60	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
426	Nguyễn Thị Bảo Hân	01/10/2011	Nữ	36.00				36	7.84	7.20	8.00	Trường THCS Tam Phước
427	Lăng Ngọc Khánh An	01/08/2011	Nữ	36.00				36	7.84	7.20	8.00	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
428	Nguyễn Thị Trúc Ly	01/06/2011	Nữ	36.00				36	7.84	7.60	7.50	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
429	Đinh Đoàn Hoài Thu	05/10/2011	Nữ	36.00				36	7.84	8.20	6.70	Trường THCS Phan Chu Trinh
430	Phạm Thị Thuý Hằng	20/04/2011	Nữ	36.00				36	7.84	6.80	8.00	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
431	Vô Tiến Dũng	18/08/2011	Nam	36.00				36	7.84	7.10	7.50	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
432	Phan Thị Quỳnh Anh	06/10/2011	Nữ	36.00				36	7.84	6.70	7.20	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
433	Lê Mai Trang	29/03/2011	Nữ	36.00				36	7.84	5.80	7.60	Trường THCS Hòa Bình
434	Trần Ngọc Ánh	22/03/2011	Nữ	36.00				36	7.84	6.20	6.60	Trường THCS Phan Chu Trinh
435	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	08/03/2011	Nữ	36.00				36	7.84	5.50	7.10	Trường TH-THCS Trần Quốc Tuấn
436	Đỗ Hoàng Vũ Phong	06/07/2011	Nam	36.00				36	7.84	5.50	7.00	Trường THCS Phan Chu Trinh
437	Vũ Bùi Ngọc Tiên	08/08/2011	Nữ	36.00				36	7.82	7.50	8.50	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
438	Nguyễn Thị Thảo My	20/11/2011	Nữ	36.00				36	7.82	8.50	6.80	Trường THCS Lý Tự Trọng
439	Hà Minh Ánh	03/05/2011	Nữ	36.00				36	7.82	7.20	7.70	Trường THCS Trịnh Hoài Đức
440	Lê Thị Mỹ Uyên	05/08/2011	Nữ	36.00				36	7.82	7.00	7.60	Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền



STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm 4 năm THCS	Khuyến khích	Ưu tiên	Điểm cộng	Tổng điểm xét tuyển	Điểm TB cả năm lớp 9	Điểm TB môn Văn lớp 9	Điểm TB môn Toán lớp 9	Trường cuối cấp
441	Trần Anh Khoa	20/04/2011	Nam	36.00				36	7.82	7.50	6.90	Trường THCS Võ Nguyên Giáp
442	Lăng Gia Bảo	17/08/2011	Nam	36.00				36	7.82	6.10	5.60	Trường THCS Phan Chu Trinh
443	Bùi Như Quỳnh	18/08/2011	Nữ	36.00				36	7.81	6.90	8.10	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
444	Nguyễn Ngọc Phương Linh	06/12/2011	Nữ	36.00				36	7.81	7.60	7.40	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng
445	Nguyễn Hoàng Minh	26/02/2011	Nam	36.00				36	7.81	6.80	7.80	Trường THCS Nguyễn Công Trứ
446	Trần Đức Duy	27/09/2011	Nam	36.00				36	7.81	7.10	7.20	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
447	Nguyễn Lê Như Quỳnh	25/01/2011	Nữ	36.00				36	7.81	7.70	6.40	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng
448	Lê Ngọc Trâm	30/07/2011	Nữ	36.00				36	7.81	7.70	6.30	Trường THCS Lý Tự Trọng
449	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	20/10/2011	Nữ	36.00				36	7.81	6.80	5.90	Trường THCS Tam Phước
450	Nguyễn Khánh Thy	12/11/2011	Nữ	36.00				36	7.80	7.70	7.30	Trường THCS Võ Nguyên Giáp